

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

NĂM 2009

MỤC LỤC

1.	Tóm tắt kết quả kinh doanh qua các năm	3
2.	Thông tin chung.....	3
3.	Cơ cấu sở hữu tại ngày 20/03/2009	3
4.	Danh sách một số cổ đông lớn của BMP tại ngày 20/03/2009	4
5.	Công ty con, công ty liên kết.....	4
6.	Sản phẩm	4
7.	Nguyên, vật liệu	4
8.	Phân tích tài chính:	5
9.	Các dự án đầu tư:.....	8
10.	Phân tích SWOT.....	8
11.	Phân tích kỹ thuật	10

1. Tóm tắt kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Vốn điều lệ	Tỷ	107,18	139,33	140,41	169,56
Vốn CSH	Tỷ	179,46	367,10	414,01	494,93
Nợ ngắn hạn	Tỷ	71,99	42,36	75,63	75,13
Nợ dài hạn	Tỷ	12,00	0,34	0,52	0,76
LN SXKD	Tỷ	70,54	97,70	102,80	148,64
LN tài chính	Tỷ	(3,76)	0,61	7,61	(22,26)
LN khác	Tỷ	0,14	0,46	0,86	2,51
LN trước thuế	Tỷ	66,92	98,78	111,27	128,89
LN sau thuế	Tỷ	66,92	83,07	96,01	110,62
EPS	Đồng	6.244	5.962	6.838	6.524
ROE	%	37,29%	22,63%	23,19%	22,35%
Giá trị sổ sách	Đồng	16.744	26.347	29.487	29.189
Nợ/Tổng tài sản	%	31,88%	10,42%	15,54%	13%
Tỷ lệ cổ tức	%		29,00%	20,00%	20,00%

(Nguồn: BTCT đã kiểm toán)

2. Thông tin chung

- Địa chỉ: 240 Hậu Giang – Phường 9 – Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.3969.0973; 08.3969.4524
- Fax: 08.3960.6814
- Website: www.binhminhplastic.com

3. Cơ cấu sở hữu tại ngày 20/03/2009

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Đã lưu ký	1.426	16.621.615	99,28%
Cá nhân trong nước	1.216	3.187.534	19,04%
Tổ chức trong nước	29	6.221.816	37,16%
Cá nhân nước ngoài	141	123.298	0,74%
Tổ chức nước ngoài	40	7.088.967	42,34%
Chưa lưu ký	6	119.901	0,72%
Cá nhân trong nước	3	23.300	0,14%
Tổ chức trong nước	3	96.601	0,58%
Cộng	1.432	16.741.516	100,00%

(Nguồn: Báo cáo thường niên BMP 2008)

4. Danh sách một số cổ đông lớn tại ngày 10/04/2009

Tên cổ đông	Số CP	Tỷ lệ
SCIC	4.230.290	30,36%
Viet Nam Holding Ltd	1.080.000	6,40%
Citigroup Global Market Ltd (CGML) và Citigroup Global Market Financial Products Ltd (CGMFP)	852.952	5,06%

(Nguồn: BMSC tổng hợp)

5. Công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/năm)
Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc	D1 – KCN Phố Nội – Hưng Yên	155	40.000	20.000

(Nguồn: Báo cáo thường niên BMP 2008)

6. Sản phẩm, sản lượng

- Nhóm sản phẩm ống nhựa, phụ tùng ống nhựa và các sản phẩm keo dán ống. Đây là những sản phẩm mang lại nguồn thu chính cho công ty. Cụ thể như sau:
 - Ống nhựa uPVC: Là sản phẩm chủ lực của BMP với chủng loại và kích thước phong phú. Được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực: cấp thoát nước, ống luồn dây điện, cấp quang ...
 - Ống gân HDPE: hiện đang được Công ty sản xuất với 3 kích cỡ: 160 mm, 250 mm, 315 mm. Ống HDPE thỏa mãn những yêu cầu kỹ thuật cao như: Chống ăn mòn bởi hoá chất, không rò rỉ, chịu lực va đập, chịu nhiệt tốt và bao gồm cả khả năng hàn được khi cần. Sản phẩm này có trọng lượng nhẹ, không gây độc hại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tuổi thọ 50 năm. Ống HDPE được ứng dụng rộng rãi như hệ thống cấp nước sạch, thải công nghiệp, khai thác mỏ, ống thoát nước thải lớn ở KCN và khu đô thị, hệ thống ống trong nhà máy thủy điện, nhiệt điện, hệ thống bảo vệ đường cấp ngầm trong ngành bưu chính viễn thông.
 - Ống trơn HDPE: dẻo, có thể uốn cong trong khi sử dụng, thích hợp với mọi địa hình. Hiện nay, sản phẩm rất được ưa chuộng tại thị trường phía Bắc.
- Nhóm sản phẩm mũ bảo hộ lao động, bình xịt thuốc trừ sâu và 1 số sản phẩm khác: doanh thu từ nhóm sản phẩm này chiếm tỷ trọng thấp (khoảng 10% tổng doanh thu).
- Năm 2008, sản lượng sản xuất của BMP đạt 28.700 tấn tăng 200 tấn so với năm 2007.

7. Nguyên, vật liệu

- Nguyên, vật liệu chính của công ty là bột nhựa PVC, dầu DOP, các loại hạt nhựa và chất phụ gia.
- Bình quân mỗi năm công ty sử dụng 20.000 tấn nguyên, vật liệu. Trong đó nguyên liệu nhập khẩu chiếm trên 50%. Nguồn nhập khẩu chủ yếu từ: Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia.

8. Phân tích tài chính:

❖ Cơ cấu tài sản:

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,45%	1,62%	2,65%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3,61%	4,45%	2,32%
Các khoản phải thu ngắn hạn	24,53%	31,34%	21,83%
Hàng tồn kho	29,48%	27,78%	25,36%
Tài sản ngắn hạn khác	3,09%	4,93%	3,13%
Các khoản phải thu dài hạn	0,00%	0,00%	0,00%
Tài sản cố định	14,84%	29,88%	17,36%
Bất động sản đầu tư	0,00%	0,00%	0,00%
Đầu tư tài chính dài hạn	0,01%	0,01%	27,35%
Tài sản dài hạn khác	0,00%	0,00%	0,00%

Khoản mục Đầu tư tài chính dài hạn tăng đột biến trong năm 2008 và chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Giá trị tại thời điểm 31/12/2008 của khoản mục này là: 158,330 tỷ đồng, trong đó có đến 151,866 tỷ đồng là giá trị phần vốn Công ty góp vào Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc. Như vậy việc gia tăng đột biến của khoản mục này không phải là một tín hiệu tiêu cực, đây có thể coi như một hình thức Công ty sử dụng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như mạng lưới phân phối tiêu thụ sản phẩm.

Khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2008 có giá gốc 22 tỷ, trong đó: đầu tư vào Chứng chỉ quỹ Bản Việt: 18 tỷ và Công ty CP Nhựa Tân Tiến 4 tỷ. Số trích lập dự phòng đến thời điểm 31/12/2008 là 8,568 tỷ. Đây là nguyên nhân dẫn đến chi phí tài chính tăng đột biến trong cơ cấu chi phí của Công ty (*trình bày ở bảng cơ cấu chi phí hoạt động*). Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam sau thời gian sụt giảm mạnh hiện đã có dấu hiệu chững lại. Theo quan điểm của cá nhân người viết, ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng tài chính trong năm 2009 tới chi phí tài chính sẽ ít hơn năm 2008 đồng thời cũng không ngoại trừ khả năng Công ty có thể hoàn nhập dự phòng (làm giảm chi phí tài chính) tại thời điểm 31/12/2009.

❖ Cơ cấu nguồn vốn:

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
Vay ngắn hạn	1,04%	0,92%	8,34%
Các khoản phải trả ngắn hạn	9,09%	14,27%	4,64%
Vay dài hạn	0,00%	0,00%	0,00%
Các khoản phải trả dài hạn	0,08%	0,11%	0,13%
Vốn chủ sở hữu	89,79%	84,70%	86,89%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%

Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn, mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính thấp đảm bảo mức độ an toàn tài chính cao.

Cơ cấu vốn như trên rất thích hợp trong hoàn cảnh nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, đồng thời cũng mở ra tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ cho Công ty trong tương lai khi nền kinh tế phục hồi bởi khả năng có thể nâng cao mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính để kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc Công ty không phát sinh các khoản vay dài hạn trong năm 2008 là một thuận lợi rất lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh những năm sau (do năm 2008 có lãi suất cho vay rất cao). Hoạt động của Công ty có khả năng sẽ thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất trung và dài hạn trong gói kích cầu sắp tới của chính phủ, đây rất có thể là cơ hội lớn để Công ty có thể tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn với giá rẻ.

❖ **Tỷ trọng chi phí/Doanh thu**

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
Giá vốn hàng bán	74,43%	79,12%	77,09%
Chi phí bán hàng	2,30%	2,89%	2,81%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,87%	2,87%	2,73%
Chi phí tài chính	0,17%	0,07%	2,78%
Cộng	80,76%	84,96%	85,40%

❖ **Các chỉ số an toàn tài chính**

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
Chỉ số thanh toán hiện thời	8,41	4,61	4,26
Chỉ số thanh toán tức thời	5,50	2,79	2,31
Vốn dài hạn/Tài sản dài hạn	5,92	2,79	1,92

Các chỉ số an toàn tài chính ở mức cao, rủi ro Công ty không thanh toán được các nghĩa vụ nợ khi đến hạn thấp (rủi ro phá sản thấp).

ĐIỂM Z	2005	2006	2007	2008
Vốn lưu động	185,12	356,19	349,00	320,11
Lợi nhuận giữ lại	36,24	32,40	54,29	67,15
EBIT	70,57	97,70	102,80	148,64
Vốn chủ sở hữu (giá trị sổ sách)	179,46	367,10	414,01	494,93
Tổng nợ vay	17,98	4,35	4,60	48,30
Doanh thu	422,78	503,43	680,00	855,38
Tổng tài sản	269,46	418,29	497,74	578,95
Điểm Z	7,18	38,05	40,40	7,07

Ý nghĩa Điểm Z:

- < 1,1: Vùng đỏ, mất khả năng thanh toán
- 1,1 - 2,6: Vùng xám, khó khăn về tài chính
- > 2,6: vùng xanh, tài chính lành mạnh

❖ **Biến động doanh thu**

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008
Doanh thu (tỷ)	422,78	503,43	680,00	855,38
Thay đổi (tỷ)		80,65	176,57	175,38
% thay đổi		19,08%	35,07%	25,79%
% thay đổi trung bình				26,65%

❖ **Biến động giá vốn**

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008
Giá vốn hàng bán (tỷ)	326,40	374,68	538,02	659,37
Thay đổi (tỷ)		48,28	163,34	121,35
% thay đổi		14,79%	43,60%	22,56%
% thay đổi trung bình				26,98%

❖ **Biến động lợi nhuận**

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008
Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	66,92	83,07	96,01	110,62
Thay đổi (tỷ)		16,15	12,94	14,61
% thay đổi		24%	16%	15%
% thay đổi bình quân				18%

❖ **Các chỉ số khả năng sinh lời**

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	25.57%	20.88%	22.91%
EBIT/Doanh thu	19.41%	15.12%	17.38%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	19.24%	15.04%	14.60%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	16.50%	14.12%	12.93%
Tỷ suất sinh lợi/Nguyên giá TSCĐ	48.28%	39.52%	54.16%
Tỷ suất sinh lợi/Tổng tài sản	23.36%	20.65%	25.67%
Lợi nhuận/VCSH	22.63%	23.19%	22.35%

Tỷ lệ EBIT/Doanh thu năm 2008 tăng 2,26% so với năm 2007, trong khi tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu năm 2008 giảm 0,44% so với năm 2007. Như vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty năm 2008 biến động tích cực so với năm 2007, tuy nhiên do ảnh hưởng tiêu cực từ hoạt động đầu tư tài chính đã làm giảm hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.

Công ty sử dụng phương pháp khấu hao TSCĐ theo đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể cho từng loại tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 6 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

Chi phí khấu hao hàng năm của Công ty khoảng 30 tỷ, như vậy đến hết năm 2010 TSCĐ của Công ty về cơ bản sẽ khấu hao hết, chi phí khấu hao từ năm 2011 sẽ giảm đáng kể.

9. Các dự án đầu tư:

- Ngày 25/07/2008, BMP đã hoàn tất việc lắp đặt thêm 4 dây chuyền đùn ống của hãng KRAUSS MAFFEI của Đức với tổng giá trị trên 30 tỷ đồng, bao gồm 2 dây chuyền sản xuất ống uPVC từ Φ21-Φ90 với năng suất 300kg/h/dây chuyền, 1 dây chuyền sản xuất ống uPVC từ Φ60-Φ114 với năng suất 490 kg/h và 1 dây chuyền sản xuất ống HDPE từ Φ16-Φ63 với năng suất 240 kg/h. Việc đưa vào vận hành 4 dây chuyền mới này sẽ nâng tổng sản lượng sản xuất của công ty lên thêm 20%, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của thị trường hiện nay.
- Trong quý I năm 2009, Bình Minh sẽ tiếp tục lắp đặt thêm 4 dây chuyền đùn ống mới nữa từ 2 nhà sản xuất máy đùn ống hàng đầu Châu Âu là KRAUSS MAFFEI của Đức và CINCINNATI của Áo. Trong đó gồm 2 dây chuyền sản xuất ống uPVC từ Φ21-Φ90 với năng suất 300kg/h/dây chuyền, 1 dây chuyền sản xuất ống uPVC từ Φ60-Φ114 với năng suất 490 kg/h và 1 dây chuyền sản xuất ống uPVC từ Φ200-Φ630 với năng suất 2.500 kg/h.
- Nhằm đáp ứng nhu cầu phối trộn nguyên liệu phục vụ cho 8 dây chuyền sản xuất ống nêu trên, cũng trong quý I năm 2009 Bình Minh sẽ lắp đặt thêm một thiết bị phối trộn nguyên liệu (bột PVC) với năng suất 400 kg/h, được chế tạo bởi Plasmec- Italy là nhà sản xuất rất nổi tiếng của Châu Âu trong lĩnh vực chế tạo thiết bị phối trộn nguyên liệu. Tổng giá trị đầu tư cho quý I năm 2009 trên 80 tỷ đồng và dự kiến sẽ nâng tổng sản lượng và doanh thu của công ty năm 2009 thêm 30% so với năm 2008.

10. Phân tích SWOT

❖ Điểm mạnh:

- ✓ BMP là công ty có thị phần tiêu thụ sản phẩm lớn thứ 2 (sau NTP), chiếm 25% thị phần cả nước, tập trung chủ yếu ở miền trung và miền Nam.
- ✓ Hệ thống phân phối mạnh với 260 cửa hàng trên cả nước.
- ✓ Tình hình tài chính lành mạnh, rủi ro phá sản thấp.
- ✓ Tốc độ tăng trưởng tốt, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao.
- ✓ Sản phẩm phục vụ cho ngành xây dựng, đây là ngành có tốc độ phát triển tốt, nhiều tiềm năng trong tương lai.
- ✓ Nhà máy ở phía Bắc có thể sản xuất được ống HDPE có đường kính lên tới 630mm (trong khi NTP chỉ sản xuất được ống có đường kính lớn nhất là 450mm).
- ✓ Được miễn giảm 50% thuế TNDN trong năm 2009 và 2010.

❖ Điểm yếu:

- ✓ Đường kính ống uPVC lớn nhất mà công ty có thể sản xuất chỉ là 500 mm, sẽ không đưa được vào các công trình giao thông lớn như hệ thống cống ngầm... Trong khi công nghệ sản xuất hiện tại có đường kính lên tới 3.500 mm, chiều dài từ 8 - 10 m.

- ✓ Nhà máy sản xuất miền Bắc đã đi vào hoạt động và lỗ lũy kế tới thời điểm 31/12/2008 là 14,4 tỷ đồng.
- ✓ Hiện nay, công ty chưa sản xuất được ống PPR là loại sản phẩm công nghệ cao, có những tính năng ưu việt so với những loại ống Công ty đang sản xuất. Ống PPR được sử dụng rất nhiều ở các nước phát triển.

Ống PPR được sản xuất bởi nguyên liệu 100% hạt nhựa Polypropylen Random Type III (PP-R) chất liệu nhựa cao phân tử tạo nên sản phẩm dẫn nước sạch hàng đầu, được ứng dụng rộng rãi như: Ống dùng dẫn nước nóng, lạnh trong sinh hoạt, trong xây dựng dân dụng, dẫn dầu, chất lỏng, hoá chất, ống dẫn khí nóng; ống dẫn khí gas, ống dẫn khí nén, dụng dịch đặc biệt; ống cách điện, chất lỏng ăn mòn cao, dụng dịch dinh dưỡng và thực phẩm trong công nghiệp và nông nghiệp, các nhà máy sử dụng năng lượng mặt trời... Là sản phẩm thay thế ống kẽm, đồng và ống PVC bởi những tính năng vượt trội. Tuổi thọ ống đến hàng trăm năm, chịu nhiệt tốt, chịu được áp suất cao, chịu lực tác động cao do va đập, có độ dẻo cao do đó không bị đứt gãy khi xảy ra chấn động, không bị oxy hoá, có tính bảo ôn, cách âm, cách điện, không độc hại, các mối hàn được liên kết bằng dụng cụ chuyên dụng với nhiệt độ trên 2600°C tạo nên mối liên kết bền vững, không rò rỉ.

- ✓ Chưa phát triển mạng lưới phân phối ra nước ngoài.
- ✓ Phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. 90% nguyên liệu của ngành nhựa Việt Nam tương đương 2,5 triệu tấn/năm phải nhập khẩu. Hiện nay, Việt Nam mới chỉ có hai nhà máy sản xuất bột nhựa PVC là Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina (TPC Vina) với tổng công suất mỗi năm khoảng 250.000 tấn PVC và một nhà máy khác của Công ty Liên doanh Hóa chất LG Vina (LG Vina) mỗi năm cung cấp khoảng 150.000 tấn nguyên liệu DOP. Do nguyên vật liệu chính của các doanh nghiệp nhựa là các loại bột nhựa, hạt nhựa có nguồn gốc từ dầu mỏ và phần lớn nguyên vật liệu đều phải nhập khẩu (chiếm khoảng 90%) nên những biến động về tình hình kinh tế, chính trị tại các nước sản xuất dầu mỏ hàng đầu thế giới như: Iran, Iraq, Kuwait, Ảrập Saudi,... có ảnh hưởng rất lớn đến giá cả nguyên vật liệu của các công ty. Hiện chi phí nguyên vật liệu của các doanh nghiệp nhựa chiếm khoảng 70-75% giá thành sản phẩm, do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu nhập khẩu sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các công ty nhựa.
- ✓ Giá nguyên liệu được tính trên cơ sở đồng USD nên rủi ro về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty.

❖ Cơ hội:

- ✓ Việt Nam là quốc gia đang phát triển, nhu cầu xây dựng còn rất lớn. Nếu tính theo Chỉ số Nhựa vật liệu xây dựng (ống nước, cửa...) bình quân/đầu người năm 2008 của Việt Nam là 6,25 kg/người, bình quân của thế giới là 10kg/người, Trung Quốc là 8.75 kg/người, Thái Lan là 10,5 kg/người và Singapo là 25 kg/người. Có thể khẳng định thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm ống nhựa còn rất lớn, có nhiều cơ hội phát triển.
- ✓ Ống nhựa là mặt hàng công kênh nên chi phí vận chuyển rất cao, đây chính là ưu thế của các doanh nghiệp trong nước so với các đối thủ cạnh tranh bên ngoài.
- ✓ Sản phẩm của Công ty có khả năng thâm nhập được vào thị trường của các nước lân cận như Lào, Campuchia.
- ✓ Nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ đi vào hoạt động năm 2009 hợp tác với Hyundai & LG sẽ cung cấp cho ngành nhựa 150.000 tấn hạt PVC/năm. Liên doanh TPC Vina tại

Đồng Nai với 2 dây chuyền, cung cấp hạt PVC, có công suất 200.000 tấn/năm và có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền thứ 3 vào năm 2010. Từ đó nguồn nguyên liệu cho ngành nhựa Việt Nam nói chung và cho Công ty nói riêng sẽ dồi dào hơn, hạn chế được phần nào mức độ phụ thuộc vào biến động giá nguyên liệu của thế giới và rủi ro về tỷ giá.

- ✓ Cơ cấu vốn an toàn, trong tương lai khi nền kinh tế phục hồi bởi khả năng có thể nâng cao mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính để kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động của Công ty có khả năng sẽ thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất trung và dài hạn trong gói kích cầu sắp tới của chính phủ, đây rất có thể là cơ hội lớn để Công ty có thể tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn với chi thấp.

❖ **Thách thức:**

- ✓ Do nguyên vật liệu chủ yếu là nhập khẩu, đồng thời chi phí nguyên liệu lại chiếm 70% - 80% giá thành của sản phẩm ống nhựa nên công tác dự báo giá nguyên liệu quyết định rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quyết định chính sách dự trữ nguyên vật liệu, xác định giá trị của những hợp đồng lớn có thời gian thực hiện dài phụ thuộc rất lớn vào công tác dự báo.
- ✓ Rào cản gia nhập ngành ở mức trung bình nên áp lực về cạnh tranh là tương đối cao. Hiện tại các tập đoàn lớn tại Việt Nam như Hoa Sen, Vinaconex, Licogi cũng có những dự án đầu tư, sản xuất ống nhựa với quy mô lớn. Hơn nữa, khi Việt Nam phải mở cửa thị trường theo các điều khoản trong WTO mức thuế nhập khẩu sản phẩm nhựa sẽ giảm mạnh, thông thoáng hơn về thủ tục hải quan, các doanh nghiệp trong nước sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với sản phẩm cùng loại từ Trung Quốc, Thái Lan.
- ✓ Mặc dù, nhu cầu sử dụng đối với ống PVC hiện nay còn khá lớn, tuy nhiên xu hướng chung trong nước và quốc tế là chuyển dần sang sử dụng ống HDPE và PPR thay cho ống PVC.
- ✓ Sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ cho ngành xây dựng. Ngành xây dựng tại Việt Nam hiện tại có tỷ lệ chiếm dụng vốn cao, nhất là trong giai đoạn này các doanh nghiệp rất khó có thể huy động được vốn vay dài hạn, do đó để tiêu thụ sản phẩm Công ty có khả năng phải bị chiếm dụng vốn.

11. Phân tích kỹ thuật

- Thông số cơ bản (Số liệu tính từ 10/04/2008 – 10/04/2009)

Giá thấp nhất 52 tuần (Nghìn đồng)	21,80
Giá cao nhất 52 tuần (Nghìn đồng)	67,50
Số CP đang lưu hành (CP) ^(*)	16.955.875
KLGD TB 10 ngày gần nhất (CP)	37.409

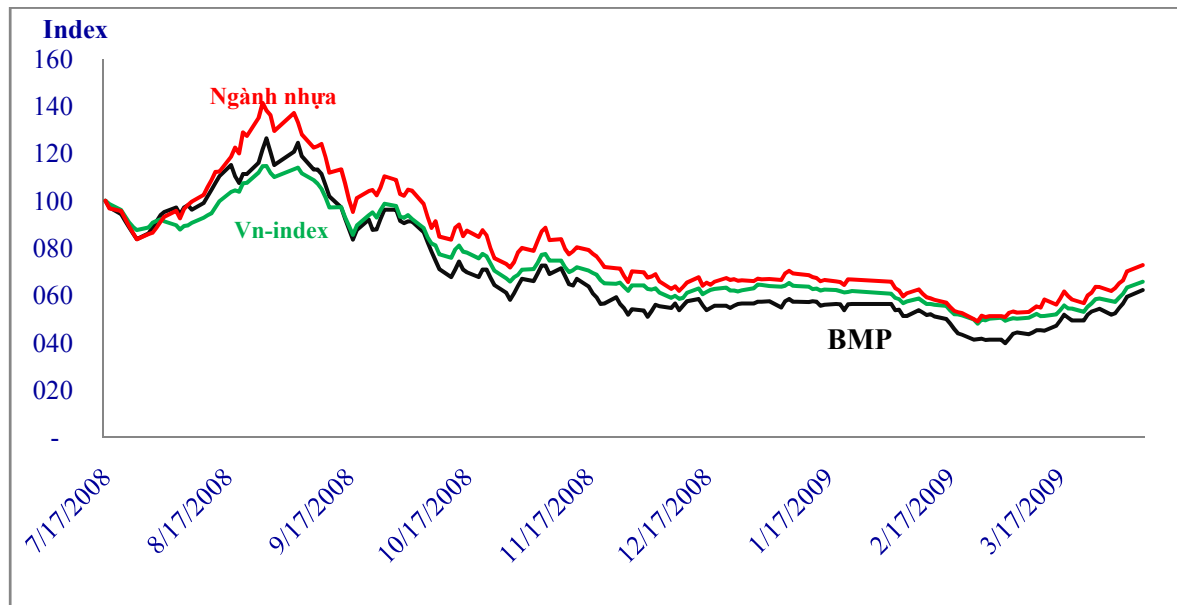
(Nguồn: BMSC tổng hợp)

Ghi chú: ^(*) Hiện có 1 CP quỹ và 214.360 CP cổ phiếu thưởng cho nhân viên, chưa niêm yết.

- BMP không phải là cổ phiếu kháng cự mạnh. Trong thời kỳ thị trường đi xuống, giá BMP giảm nhanh hơn mức trung bình toàn thị trường và trung bình ngành nhựa. Cụ thể, giai đoạn 02/01/2008 - 09/04/2009, chỉ số Vn-index giảm 63,56% nhưng cổ phiếu BMP mất tới 76,64% giá trị.

- Tuy nhiên, BMP có sức bật mạnh hơn trung bình thị trường nhưng vẫn thấp hơn trung bình ngành nhựa. Tính từ đầu năm 2008 tới 09/04/2009 thị trường chứng khoán Việt Nam có 2 đợt hồi phục mạnh. Lần thứ nhất từ 20/06 – 26/08/2008, Vn-index tăng 37,46% nhưng thị giá BMP tăng tới 44,48%. Lần thứ hai từ 24/02 – 09/04/2009, Vn-index tăng 24,27% còn thị giá cổ phiếu BMP tăng 31,28%.

Biểu đồ: So sánh BMP với chỉ số ngành nhựa và Vn-index



Biểu đồ phân tích kỹ thuật (Số liệu tính đến 10/04/2008)



- BMP đã phá vỡ xu hướng giảm trung hạn, đà giảm chậm lại cùng với khối lượng giao dịch tăng dần (tính từ điểm phá vỡ xu hướng) cho thấy giá cổ phiếu đã vào vùng hấp dẫn nhà đầu tư.
- Xét về trung hạn: Đường giá đã cắt qua MA 50 – (Trung bình giá của 50 phiên giao dịch gần nhất) và MA 100 (Trung bình giá 100 phiên giao dịch gần nhất) từ dưới lên cho thấy giá cổ

phiếu đang trong quá trình hồi phục. Đồng thời MA 50 bắt đầu cắt lên trên đường MA 100 cho tín hiệu mua vào.

- Chúng tôi cho rằng giá BMP đang hình thành mô hình đảo chiều “tách và tay cầm”. Nếu mô hình này được kiểm chứng thành công trong những phiên giao dịch sắp tới, BMP sẽ có giai đoạn hồi phục vững chắc. Để tối đa lợi nhuận có thể mua vào cổ phiếu khi thành bên kia cốc đang hình thành nhưng rủi ro rất lớn khi mô hình không được thiết lập. Giải pháp an toàn hơn là mua vào khi hình mẫu hoàn thành và chấp nhận mức lợi nhuận thấp hơn.

KHUYẾN CÁO

Bản báo cáo phân tích này được viết và phát hành bởi BMSC. Các thông tin được sử dụng trong báo cáo là những thông tin được BMSC cho rằng là đáng tin cậy. Tuy nhiên, BMSC không chịu trách nhiệm và đảm bảo về sự hoàn chỉnh và tính sát thực của thông tin.

Những quan điểm, ý kiến cũng như thông tin trong báo cáo có thể thay đổi mà không cần báo trước. BMSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này cũng như thông báo cho người đọc khi các thông tin, quan điểm, dự báo trong báo cáo không còn phù hợp.

Báo cáo chỉ có tính chất tham khảo và không nhằm mục đích quảng cáo, mời chào mua bán bất cứ loại chứng khoán nào. Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình khi sử dụng bản báo cáo này.

Báo cáo này thuộc bản quyền của BMSC. Không ai được phép sao chép, phát hành, và phân phối lại dưới bất kỳ hình thức nào nếu không có sự chấp thuận của BMSC. Khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo, xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn.

Mọi thắc mắc liên quan đến báo cáo, xin vui lòng liên hệ:

Nhóm phân tích và đầu tư

- Nguyễn Huy Toàn email: Toannh@bmsc.com.vn
- Bùi Anh Sang email: Sangba@bmsc.com.vn
- Nguyễn Tiến Nam email: Namnt@bmsc.com.vn
- Lê Tiến Dũng email: Dunglt@bmsc.com.vn
- Phạm Minh Lam email: Lampm@bmsc.com.vn

Phòng phân tích và đầu tư

Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh

10, Phan Huy Chú, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 933 4966

Website: www.bmsc.com.vn